

Bản án số: 81/2023/HS-PT

Ngày: 05-7-2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Ngọc Thành

Các Thẩm phán: Ông Trần Văn Quán

Ông Trần Quốc Khánh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Hồng Nhật Châu - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa:
Ông Lê Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 74/2023/TLPT-HS ngày 23 tháng 5 năm 2023 đối với các bị cáo Phạm Minh H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Minh H, sinh năm 1989, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp C, xã L, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm Ngọc C và bà Phạm Thị H1; Có vợ tên Bùi Thị Ngoan M và chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 15/8/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, đã chấp hành xong; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

2. Lê Thị Mỹ V, tên gọi khác: N, sinh năm 1978, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp V, xã M, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Nội trợ; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Hữu C1 và bà Lê Thị L; Có 01 người con sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 13/02/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 20.000.000đ về tội “Đánh bạc”, đã chấp

hành xong ngày 16/3/2020; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

3. Bùi Thị H2, sinh năm 1975, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Văn C2 và bà Phạm Thị N1 (đã chết); Có chồng tên Ngô Thanh L1 và có 02 người con, sinh năm 1998 và năm 2009; Tiền án: Ngày 31/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 25.000.000đ về tội “Đánh bạc”, nộp phạt ngày 16/9/2023; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

4. Võ Thị Kim A, sinh năm 1971, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn T (đã chết) và bà Trần Thị T1 (đã chết); Có chồng tên Bùi Văn C3 và có 03 người con, lớn nhất sinh năm 1991, nhỏ nhất sinh năm 2007; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

5. Hồ Thị M1, sinh năm 1966, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp B, xã L, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Bán vé số; Trình độ học vấn: Không biết chữ; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hồ Văn C4 (đã chết) và bà Võ Thị X (đã chết); Có chồng tên Bùi Văn Đ và có 06 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1994; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 25/4/2013, bị Công an huyện T, xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000đ về hành vi “Đánh bạc”, chưa nộp phạt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

6. Nguyễn Thị H3, sinh năm 1997, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp D, xã L, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn N2 (đã chết) và bà Trần Thị H4; Có chồng tên Salay M2 (đã ly hôn) và có 01 người con sinh năm 2018; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 26/01/2022, bị Công an huyện T, xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000đ về hành vi “Đánh bạc”, đã nộp phạt; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

7. Nguyễn Thị Thu T2, sinh năm 1972, tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn A1 và bà Trần Thị C5; Có chồng tên Hồ Văn Hoàng V1 (đã chết) và có 02 người con, sinh năm 1992 và năm 1999; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

8. Lê Thị Q, sinh năm 1970, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp A, xã L, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ học vấn: 4/12; Dân

tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn D (đã chết) và bà Đặng Thị L2 (đã chết); Có chồng tên Nguyễn Văn M3 và có 01 người con sinh năm 1997; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

9. Nguyễn Thị Nguyệt T3, sinh năm 1981, tại tỉnh Đồng Tháp; Nơi đăng ký HKTT: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp; Chỗ ở hiện nay: Khu phố A, phường K, thành phố T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn C6 (đã chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc D1; Có 02 người em, sinh năm 1984 và năm 1986; Chưa có chồng, con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022 được cho tại ngoại. (có mặt)

10. Bùi Thị L3, sinh năm 1978, tại tỉnh Long An; Nơi cư trú: Ấp B, xã M, huyện T, tỉnh Long An; Nghề nghiệp: Buôn bán; Trình độ học vấn: 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Bùi Thanh L4 và bà Ngô Thị D2; Có chồng tên Lê Minh K và chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- Những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo hoặc liên quan đến kháng cáo, kháng nghị, không triệu tập:

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Lê Minh K, Nguyễn Thị H5, Đỗ Thị Ngọc L5, Phạm Thị M4, Tiêu Thanh P, Nguyễn Văn T4.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 12 giờ 30 phút ngày 06/9/2022, tại nhà Bùi Thị L3 ở ấp B, xã M, huyện T có Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V (tên gọi khác N), Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A rủ nhau chơi đánh bạc trắng, thua bằng tiền trái phép. Bùi Thị L3 cho các con bạc sử dụng phòng khách trong nhà để đánh bài, cung cấp bài tây (loại bài 52 lá), mền và lấy tiền xâu của các con bạc. Các con bạc sử dụng 03 bộ bài tây chơi đánh bài binh ẩn độ (06 lá) với hình thức chơi như sau:

H là người làm cái, người chơi đặt cược số tiền thấp nhất là 100.000đ, cao nhất là 300.000đ. H đem theo số tiền 11.210.000đ, sử dụng số tiền 2.500.000đ làm tiền vốn đánh bạc, kết quả thắng số tiền 4.000.000đ, số tiền vốn và tiền thắng 6.500.000đ để trên chiếu bạc. Kim A đem theo số tiền 2.650.000đ, sử dụng số tiền 2.600.000đ đánh bạc, khi bắt đầu chơi đánh bạc thì Kim A xâu cho chủ nhà 100.000đ, số tiền trên chiếu bạc là 2.500.000đ kết quả huê vốn, còn lại số tiền 2.500.000đ để trên chiếu bạc. Q đem theo số tiền 11.430.000đ, sử dụng số tiền 1.100.000đ đánh bạc, khi bắt đầu chơi đánh bạc thì Quán xâu cho chủ nhà 100.000đ, số tiền đánh bạc là 1.000.000đ kết quả thua 800.000đ bạc còn lại số tiền 200.000đ để trên chiếu bạc. H2 đem theo số tiền 1.300.000đ đánh bạc,

bắt đầu chơi H2 xâu cho chủ nhà 100.000đ, số tiền đánh bạc là 1.200.000đ kết quả thua 700.000đ, còn lại số tiền 500.000đ để trên chiếu bạc. Hồ Thị M1 đem theo số tiền 4.820.000đ, sử dụng số tiền 600.000đ đánh bạc, khi bắt đầu chơi đánh bạc Mỹ xâu cho chủ nhà 100.000đ, số tiền trên chiếu bạc là 500.000đ, kết quả thua 500.000đ, không còn tiền trên chiếu bạc. V đem theo số tiền 40.730.000đ, sử dụng số tiền 3.400.000đ đánh bạc, khi bắt đầu chơi đánh bạc thì V xâu cho chủ nhà 100.000đ, số tiền trên chiếu bạc là 3.300.000đ kết quả thua số tiền 500.000đ, còn lại số tiền 2.800.000đ để trên chiếu bạc. T2 đem theo số tiền 29.670.000đ, sử dụng số tiền 2.600.000đ đánh bạc, khi bắt đầu chơi thì T2 xâu cho chủ nhà 100.000đ, số tiền trên chiếu bạc là 2.500.000đ kết quả thua 1.000.000đ, còn lại số tiền 1.500.000đ để trên chiếu bạc. H3 đem theo số tiền 14.040.000đ, sử dụng số tiền 1.100.000đ đánh bạc, T3 hùn vốn với H3 số tiền 500.000đ để đánh bạc, khi bắt đầu chơi H3 và T3 xâu cho chủ nhà 100.000đ, số tiền trên chiếu bạc là 1.500.000đ kết quả thua 500.000đ, còn lại số tiền 1.000.000đ để trên chiếu bạc. H3 là người đưa tổng số tiền xâu 700.000đ cho Bùi Thị L3. Lúc này có Nguyễn Thị H5, Phạm Thị M4 và Đỗ Thị Ngọc L5 đứng xem, không tham gia đánh bạc. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, lực lượng Công an huyện T phối hợp Công an xã M bắt quả tang thu giữ trên chiếu bạc 15.000.000đ tiền dùng để đánh bạc của các con bạc và tạm giữ các tang vật có liên quan.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt:

1. Bị cáo Phạm Minh H 12 (mười hai) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

2. Bị cáo Lê Thị Mỹ V (tên gọi khác: N) 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; điểm s khoản 1 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự xử phạt: Bùi Thị H2 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; các điểm: i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt:

1. Bị cáo Hồ Thị M1 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

2. Bị cáo Nguyễn Thị H3 06 (sáu) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 38; Điều 17; Điều 50; Điều 58; các điểm: i, s khoản 1 Điều 51 và khoản 3 Điều 54 Bộ luật hình sự xử phạt:

1. Bị cáo Võ Thị Kim A 05 (năm) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

2. Bị cáo Nguyễn Thị Thu T2 05 (năm) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

3. Bị cáo Lê Thị Q 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

4. Bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt T3 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

5. Bị cáo Bùi Thị L3 03 (ba) tháng tù. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí, quyền và thời hạn kháng cáo đối với những người tham gia tố tụng.

Ngày 11/4/2023, các bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt T3, Nguyễn Thị H3, Lê Thị Mỹ V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được phạt tiền.

Ngày 12/4/2023, các bị cáo Võ Thị Kim A, Bùi Thị L3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được phạt tiền, các bị cáo Phạm Minh H, Nguyễn Thị Thu T2 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Ngày 14/4/2023, các bị cáo Bùi Thị H2, Lê Thị Q kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được phạt tiền, bị cáo Hồ Thị M1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Các bị cáo Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3 thừa nhận đã thực hiện hành vi đúng như bản án sơ thẩm nêu và xác định bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Đánh bạc” là đúng, không oan. Các bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, hưởng án treo hoặc phạt tiền.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về hình thức và thủ tục kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3 trong thời gian luật

định, những yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử vụ án theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ.

Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là đúng quy định pháp luật, không oan cho các bị cáo.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị H2 phạm tội chưa được xóa án tích nhưng vẫn tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Hồ Thị M1, Nguyễn Thị H3, Võ Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị L3 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Phạm Minh H 12 tháng tù, Lê Thị Mỹ V 06 tháng tù, Bùi Thị H2 06 tháng tù, Hồ Thị M1 06 tháng tù, Nguyễn Thị H3 06 tháng tù, Võ Thị Kim A 05 tháng tù, Nguyễn Thị Thu T2 05 tháng tù, Lê Thị Q 03 tháng tù, Nguyễn Thị Nguyệt T3 03 tháng tù, Bùi Thị L3 03 tháng tù.

Sau xét xử các bị cáo kháng cáo, qua xem xét nội dung kháng cáo, các tình tiết mới các bị cáo cung cấp cũng như xem xét nội dung vụ án, bản án sơ thẩm nhận thấy:

Bị cáo Lê Thị Mỹ V xin giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền và cho rằng bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo. Có cung cấp thêm các tình tiết: Bản thân bị bệnh ung thư tuyến giáp, hở van tim 3 lá, đau dạ dày, hông khớp gối hằng ngày phải uống thuốc điều trị, 15 ngày phải tái khám. Bản thân là lao động chính nuôi mẹ già bị bại liệt, phải có người chăm sóc. (có giấy khám điều trị của Bệnh viện Ung bướu, Bệnh viện C8, giấy giám định y khoa xác định bị cáo là người khuyết tật; tỉ lệ tổn thương cơ thể 71%, giấy xác nhận của UBND xã M, T mẹ ruột đang điều trị gãy xương đùi). Xét thấy: Bị cáo có nhân thân xấu, đã bị xử lý hành chính năm 2019 năm 2020 bị xét xử về tội đánh bạc, nay lại sử dụng số tiền 3.400.000đ để làm vốn đánh bạc trong tổng số 15.000.000đ mà Công an thu giữ trên chiếu bạc. Do tính chất xem thường pháp luật của bị cáo đáng lẽ phải giữ y hình phạt để giáo dục răn đe bị cáo và phòng ngừa chung, nhưng do bị cáo có nhiều bệnh tật nan y, là người khuyết tật; tỉ lệ tổn thương cơ thể 71%, có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cần xem xét kháng cáo của bị cáo. Khi kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền nhưng do bị cáo có nhiều bệnh tật cần điều trị và hành vi phạm tội của bị cáo

mang tính chất xem thường pháp luật nên cần giữ hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để giáo dục cải tạo bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị H3 xin giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền và cho rằng bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo. Có cung cấp thêm các tình tiết: Bản thân bị bệnh tim mạch hằng ngày phải uống thuốc điều trị, 10 ngày phải tái khám. Gia đình thuộc hộ nghèo, bản thân đã ly hôn chồng, là lao động chính phải nuôi con nhỏ (Có xác nhận của chính quyền địa phương, quyết định ly hôn, sổ hộ nghèo gia đình có mẹ bị cáo 63 tuổi, 2 con nhỏ và bị cáo, sổ khám bệnh). Xét thấy: Ngày 26/01/2022 bị cáo bị Công an huyện T, phạt 1.500.000đ về tội “Đánh bạc” (đã đóng phạt). Do hoàn cảnh quá khó khăn nên cho hưởng án treo để tạo điều kiện chăm sóc gia đình.

Bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt T3 xin giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền và cho rằng bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo. Bị cáo có cung cấp thêm các tình tiết: Có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính có xác nhận của UBND xã. Xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng số tiền đánh bạc không lớn 500.000đ/15.000.000đ bị thu giữ. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính, nhân thân bị cáo khi phạm tội không vi phạm vào những trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo, nên cần xem xét kháng cáo của bị cáo. Do bị cáo có hoàn cảnh khó khăn nên cần giữ hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để giáo dục cải tạo bị cáo.

Bị cáo Bùi Thị H2 xin giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền và không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét thấy: Ngày 31/8/2020, bị Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An xử phạt 25.000.000đ về tội “Đánh bạc”, ngày 06/9/2022 bị cáo tiếp tục phạm tội đánh bạc đây là trường hợp tái phạm đã vi phạm vào những trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo. Mặc khác khi kháng cáo bị cáo không có cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Lê Thị Q xin giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền và có cung cấp thêm các tình tiết: Bản thân đang điều trị bệnh u to buồng trứng, tổn thương nang cạnh phải tử cung. Có chồng là con của mẹ VNAH (Cha chồng và 2 anh chồng là liệt sĩ chống mỹ). (Có giấy xác nhận, bệnh và gia đình có công). Xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng số tiền đánh bạc không lớn 1.100.000đ/15.000.000đ bị thu giữ. Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân là lao động chính, bị bệnh, có người thân là người có công. Nhân thân bị cáo khi phạm tội không vi phạm vào những trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, nên cần xem xét kháng cáo của bị cáo. Do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nên cần giữ hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để giáo dục cải tạo bị cáo.

Bị cáo Võ Thị Kim A xin giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền nhưng không cung cấp tình tiết giảm nhẹ nào mới. Xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Khi phạm tội không vi phạm vào những trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/ 2018 của HĐPTANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo, nên cần xem xét kháng cáo của bị cáo. Do bị cáo sử dụng số tiền 2.600.000đ đánh bạc/15.000.000đ bị thu giữ là số tiền tương đối so với các bị cáo khác nên cần giữ hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để giáo dục cải tại bị cáo.

Bị cáo Bùi Thị L3 xin giảm nhẹ hình phạt bằng hình thức phạt tiền và có cung cấp tình tiết anh ruột là liệt sĩ. (xác nhận của UBND xã bà L3 có ký tên vào văn bản và chữ ký là của bà là đúng; Lý lịch bị cáo L3 Không có ghi anh em ruột) . Xét thấy: Bị cáo có hành vi cho mượn địa điểm đánh bạc, cung cấp mền, bài tây và nhận 700.000đ tiền xâu do các con bạc đưa khi đánh bạc. Tuy nhiên bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nghề nghiệp có nơi cư trú rõ ràng xét thấy việc phạt tiền cũng cải tạo giáo dục bị cáo được nên có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Phạm Minh H xin giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo, có cung cấp tình tiết là cháu ngoại của người có công, là lao động chính có xác nhận của UBND xã. Xét thấy: Ngày 15/8/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Long An xử phạt 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”, ngày 06/9/2022 bị cáo là người cầm đầu, tổ chức, sử dụng số tiền 2.500.000đ để làm vốn đánh bạc. khi phạm tội hành vi của bị cáo đã vi phạm vào những trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo. Mặc dù khi kháng cáo bị cáo có cung cấp được tình tiết giảm nhẹ nào mới là cháu ngoại của người có công nhưng là tình tiết giảm nhẹ ở khoản 2 Điều 51, nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Hồ Thị M1 xin giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo, có cung cấp tình tiết là lao động chính có xác nhận của UBND xã. Xét thấy: Ngày 25/4/2013, bị Công an huyện T, phạt 2.000.000đ về tội “Đánh bạc” (chưa đóng phạt). Ngày 06/9/2022 bị cáo lại tiếp tục đánh bạc, tuy số tiền đánh bạc không lớn 600.000đ/15.000.000đ bị thu giữ, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, đi bán vé số. Nhưng khi phạm tội hành vi bị cáo vi phạm vào những trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự về án treo, nên không có căn cứ xem xét kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Thu T2 xin giảm nhẹ hình phạt cho hưởng án treo, có cung cấp tình tiết cha, mẹ, cậu ruột là người có công có xác nhận của UBND xã. Xét thấy: Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng số tiền đánh bạc 2.600.000đ/15.000.000đ bị thu giữ. Khi phạm tội hành vi không vi phạm vào những trường hợp không cho hưởng án treo theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết 02/2018 của HĐTP TANDTC hướng dẫn áp dụng Điều 65 BLHS về án treo, nên cần xem xét kháng cáo của bị cáo. Do bị cáo sử dụng số tiền

2.600.000đ đánh bạc/15.000.000đ bị thu giữ là số tiền tương đối so với các bị cáo khác nên cần giữ hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo để giáo dục cải tại bị cáo.

Từ những phân tích trên Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo: Phạm Minh H, Bùi Thị H2, Hồ Thị M1, giữ y Bản án sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 05-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã tuyên đối với các bị cáo.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo: Nguyễn Thị H3, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A, sửa Bản án thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày: 05-4-2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An đã tuyên đối với các bị cáo, theo hướng giữ nguyên hình phạt cho hưởng án treo.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị L3 theo hướng áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo, đề nghị phạt từ 20 triệu đồng đến 25 triệu đồng.

Các Quyết định khác của Bản án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3 trong thời hạn pháp luật quy định, yêu cầu kháng cáo phù hợp với quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý xét xử theo thủ tục phúc thẩm là có căn cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai tại phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Vào khoảng 12 giờ 40 phút ngày 06/9/2022, Bùi Thị L3 sử dụng nhà của mình ở ấp B, xã M, huyện T để Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A chơi đánh bạc thắng, thua bằng tiền trái phép. Hình thức đánh bài chơi đánh bài binh ẩn độ (06 lá), H là người làm cái, người chơi đặt cược số tiền thấp nhất là 100.000đ, cao nhất là 300.000đ. Tổng số tiền các con bạc sử dụng để đánh bạc là 15.000.000đ. Bùi Thị L3 cung cấp bài tây, mền và nhận 700.000đ tiền xâu của các con bạc.

[3] Hành vi của các bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự, do đó Tòa án cấp sơ xét xử

các bị cáo về tội danh và điều luật như trên là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không oan cho các bị cáo.

[4] Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Bùi Thị H2 phạm tội chưa được xóa án tích nhưng vẫn tái phạm là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ theo điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Các bị cáo Hồ Thị M1, Nguyễn Thị H3, Võ Thị Kim A, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị L3 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ theo điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt các bị cáo Phạm Minh H 12 tháng tù, Lê Thị Mỹ V 06 tháng tù, Bùi Thị H2 06 tháng tù, Hồ Thị M1 06 tháng tù, Nguyễn Thị H3 06 tháng tù, Võ Thị Kim A 05 tháng tù, Nguyễn Thị Thu T2 05 tháng tù, Lê Thị Q 03 tháng tù, Nguyễn Thị Nguyệt T3 03 tháng tù, Bùi Thị L3 03 tháng tù.

[5] Xét kháng cáo của các bị cáo:

Bị cáo Bùi Thị H2 kháng cáo xin phạt tiền có cung cấp đơn xác nhận bị cáo có cha lớn tuổi bị bệnh đang điều trị tại bệnh viện tuy nhiên bị cáo có nhân thân xấu đã bị xét xử về tội đánh bạc chưa được xóa án tích nhưng vẫn tái phạm do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị H3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt hoặc phạt tiền có cung cấp bị cáo là lao động chính nuôi mẹ bị bệnh và con còn nhỏ, bị cáo đã ly hôn, hoàn cảnh gia đình khó khăn thuộc diện hộ nghèo có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cần xem xét cho bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo có 01 tiền sự về hành vi đánh bạc nhưng vẫn tiếp tục phạm tội nên không có căn cứ cho bị cáo hưởng án treo hoặc phạt tiền, nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên áp dụng khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Bị cáo Phạm Minh H kháng cáo xin hưởng án treo có cung cấp bị cáo có ông ngoại Phạm Văn T5 và bà ngoại Nguyễn Thị N3 có công với cách mạng, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính nuôi cha mẹ già; Bị cáo Lê Thị Mỹ V kháng cáo có cung cấp bị cáo bị bệnh ung thư tuyến giáp, tỷ lệ tổn thương cơ thể là 71%, mẹ bị bệnh bại liệt không tự đi lại được có xác nhận của chính quyền địa phương; Bị cáo Hồ Thị M1 kháng cáo có cung cấp đơn xác nhận bị cáo là lao động chính trong gia đình nuôi chồng và cháu ngoại có xác nhận của chính quyền địa phương là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51

của Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cần xem xét cho các bị cáo.

Nhận thấy, các bị cáo H, V, M1 phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo H, V bị kết án nhưng đã được xóa án tích, bị cáo M1 đã bị xử phạt vi phạm hành chính nhưng tính đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nhận thấy tính chất, mức độ của tội phạm mới được thực hiện thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, xét thấy không cần phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà bị cáo có khả năng tự cải tạo, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, các bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 5 năm 2018 được sửa đổi bổ sung bằng Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt T3 kháng cáo xin phạt tiền có cung cấp đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo là lao động chính có xác nhận của chính quyền địa phương; Bị cáo Võ Thị Kim A kháng cáo xin phạt tiền có cung cấp bị cáo có anh ruột Võ Văn C7 là người có công với cách mạng; Bị cáo Bùi Thị L3 kháng cáo xin phạt tiền có cung cấp bị cáo có anh ruột Bùi Thanh L6 là liệt sĩ; Bị cáo Nguyễn Thị Thu T2 kháng cáo xin hưởng án treo có cung cấp bị cáo trực tiếp nuôi 03 người cháu còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo có cha Nguyễn Văn A1 (Nguyễn Thanh H6), mẹ Trần Thị C5, cậu Nguyễn Văn T6 có công với cách mạng có xác nhận của chính quyền địa phương; Bị cáo Lê Thị Q kháng cáo có cung cấp bản thân bị bệnh, gia đình bị cáo có công với cách mạng là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng nên cần xem xét cho các bị cáo.

Nhận thấy, các bị cáo A1, T2, Q, T3, L3 phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo không có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, ngoài lần phạm tội này các bị cáo chấp hành chính sách, pháp luật và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của công dân ở nơi cư trú, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải bắt các bị cáo chấp hành hình phạt tù mà áp dụng hình phạt chính là phạt tiền cũng có tác dụng giáo dục, răn đe các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3, chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Thị H3, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị H2, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 11/2023/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

[6] Về phần lý lịch của bị cáo Hồ Thị M1, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định bị cáo có 01 tiền sự là không đúng quy định pháp luật. Nhận thấy, ngày 25/4/2013 bị cáo M1 bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc”, bị cáo chưa nộp phạt. Tuy nhiên, tại Điều 7 của Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định kể từ ngày hết thời hiệu thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính mà cá nhân bị xử phạt không tái phạm thì được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính, nên bị cáo Hồ Thị M1 được xác định là không có tiền sự. Do đó, cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần lý lịch của bị cáo Hồ Thị M1, cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[7] Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, các bị cáo Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo được chấp nhận, bị cáo Bùi Thị H2 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm do kháng cáo không được chấp nhận.

[8] Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c, đ, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3;

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị H3;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Bùi Thị H2;

Sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số: 11/2023/HS-ST ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Bùi Thị H2, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3 phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Phạm Minh H **01 (một) năm tù, cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 05 tháng 7 năm 2023.

Giao bị cáo Phạm Minh H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Mỹ V **06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 05 tháng 7 năm 2023.

Giao bị cáo Lê Thị Mỹ V cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; Điều 65 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Hồ Thị M1 **06 (sáu) tháng tù, cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm, ngày 05 tháng 7 năm 2023.

Giao bị cáo Hồ Thị M1 cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Long An để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp người được hưởng án treo phạm tội mới trong thời gian thử thách thì Tòa án quyết định hình phạt đối với tội phạm mới và tổng hợp với hình phạt tù của bản án trước theo quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị H2 **06 (sáu) tháng tù**. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 38; Điều 50; khoản 1 Điều 54; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H3 **03 (ba) tháng tù**. Thời gian tù tính từ ngày bị cáo thi hành án phạt tù nhưng được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 06/9/2022 đến ngày 12/9/2022.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Võ Thị Kim A **25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)** sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Thu T2 **25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng)** sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Lê Thị Q **20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)** sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị Nguyệt T3 **20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)** sung vào ngân sách Nhà nước.

Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 35; Điều 50; Điều 58 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt: Bị cáo Bùi Thị L3 **20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng)** sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Bị cáo Bùi Thị H2 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm; Các bị cáo Phạm Minh H, Lê Thị Mỹ V, Nguyễn Thị H3, Hồ Thị M1, Nguyễn Thị Nguyệt T3, Nguyễn Thị Thu T2, Lê Thị Q, Võ Thị Kim A và Bùi Thị L3 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- CQĐT Công an huyện;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Sở Tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Ngọc Thành